



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN ANH QUYNH
Last Middle First

Current Address 76/8 Tran-huu-Trong P.10. Phu Nhuan Hochiminh
City

Date of Birth 01-01-1946 Place of Birth Thua Thien

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-26-75 To 11-29-1980

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NAME PHUONG THI NGUYEN</u> <u>St. Louis</u>	<u>daughter</u>
<u>22741 Runnymede St. West Hills</u>	
<u>CA 91307</u>	
<u>(PO Box 1537 Reseda CA 91335)</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI NHU Y		wife
NGUYEN HANH TU		son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
T. 11/11/1961
Số 1378/61

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((7 TÂY RA TRẠI

Thư theo thông tư số 208-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ Công an
Thư theo số 208-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ Công an

SATINH DIEN
Đã được phê duyệt ngày 26 tháng 11 năm 1961
Đã được phê duyệt

XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

Hay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên

Nguyễn Anh Quỳnh

Sinh ngày

01/1/1946

Nơi sinh

Thừa Thiên

Nơi làm việc trước khi bị bắt 76A/6 Thiệu Trị, Phường 10

Thị trấn, TP Hồ Chí Minh

Cán bộ

Trưởng ban Văn thư ngay

Bị bắt ngày

26/6/1975

Án phạt

10 năm

Theo số 86 ngày 11/11/1979 của Bộ Nội vụ

Nay về cư trú tại địa chỉ trên - ở đơn vị 05 thành

CHUYÊN GIA TẬP THỰC TẠI TẠO

Số nhiều chuyên viên tiên bộ trong nhân thức tư tưởng, tin
ở sự khoan hồng của Cách mạng, chấp hành nội quy kỷ luật ở
đúng, trong lao động thêm gia tăng công hiệu những năng suất ở
chất lượng chỉ ở mức độ bình thường, kết quả của học tập
tập trung bình.

Đề nghị Chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi.

Đã ký tên người tạo phát

của Nguyễn Anh Quỳnh

Danh bạ số 2.630

Lập tại Đ. 136P500

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 29 tháng 11 năm 1980

Giám thị

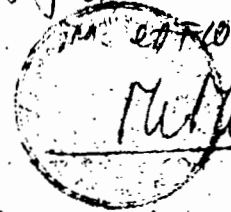


Nguyễn Anh Quỳnh

Thiếu tá : Võ Văn

Công An F10 phân nhiệm
xác nhận ĐTS có đến tận địa
tại ban công An F10 - phân nhiệm

Ngày 02.12.1980



PHAN HUU HUAN



Former Political Prisoners of Communist VietNam Association

HỘI CỤ TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI BẤT VỤ LỢI. GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in VietNam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A.- GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có).

1. Name: (Family name, middle, first)

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: NAM Date of Birth 1/1/1948

(Phái) (Ngày sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

NGUYỄN-ANH-QUYNH

Place of birth: Huế, Thừa Thiên
(Nơi sinh)
Trung ương Đảng, Văn Thư, Tổng Nha An ninh, Bộ Quốc phòng.

B.- ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 26-6-1975 tại Saigon

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Trại lớn, Xuân Lộc, Long Giao, Kátum

(Tên, địa điểm các trại giam) Long Giao, Hố Môn, An tác, Xuyên Mộc (8 trại).

3. Date of release or still in camps: 29-11-1980

(Ngày được thả hay còn bị giam)

C.- FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Có gia đình

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children: Vợ Nguyễn-Thị-Như-Y

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Con: Nguyễn-Thị-Nam, Hoàng Lê Thu, P.O. Box 4531 RESEA

CA. 94335

3. Address of family:

(Địa chỉ gia đình) 76 A/8 Trần-Huân-Trang, khu 10, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

D.- APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NAM PHUONG THI NGUYEN

(Họ và tên)

Occupation: STUDENT

(Nghề-nghiệp)

2. Address and phone number:

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

DAUGHTER

4. Status in USA:

(Tình trạng cư trú)

Permanent resident ☒

US citizen ☐

5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

Yes ☒

No ☐

Date: September 1st 1989

(Ngày, tháng, năm)

Signature of applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)

P. O. BOX 635
WESTMINSTER, CALIF.
92684-0635





NGUYEN THI NAM PHUONG



HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
SEP 22 1989 C/O BÀ KHUẾ MINH THẢO

P. O Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

